

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Số : 15./CBTT-NAG-2018.
V/v: BCTC hợp nhất năm 2017
đã kiểm toán

Vĩnh Phúc, ngày 28 tháng 03 năm 2018.

Kính gửi : - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên công ty : **Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa**
2. Mã chứng khoán : **NAG**
3. Địa chỉ trụ sở chính : **Phúc Thắng – Phúc Yên – Vĩnh Phúc**
4. Điện thoại : 02113873568 Fax : 02113548020
5. Người thực hiện công bố thông tin : **Nguyễn Thị Huyền Thương**
6. Nội dung của thông tin công bố :

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa được lập ngày 24 tháng 03 năm 2018, bao gồm: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 đã kiểm toán.

Nội dung giải trình: Giải trình chênh lệch doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Báo cáo tài chính năm 2017 sau kiểm toán so với cùng kỳ năm trước theo Công văn số 12/CV-NAG-2018.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.nagakawa.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận :

- Như trên
- Lưu Ban QHCD

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NAGAKAWA
NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT**



Nguyễn Thị Huyền Thương

(V/v: giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm trước)

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

- Tổ chức niêm yết : Công ty Cổ Phần Tập đoàn Nagakawa
- Mã chứng khoán : NAG
- Trụ sở chính : Khu 9, Phúc Thắng, Phúc Yên, Vĩnh Phúc

Công ty xin giải trình chênh lệch doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Báo cáo tài chính năm 2017 sau kiểm toán so với cùng kỳ năm trước như sau:

1. Số liệu Báo cáo kết quả kinh doanh của đơn vị cấp trên:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	Chênh lệch tăng/ giảm (+/-)	Tỷ lệ (+/-)
1	Doanh thu thuần	443.263.218.048	359.694.081.268	(+)83.569.136.780	(+)23,23%
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	11.920.694.450	436.650.369	(+)11.484.044.081	(+)2.630,03%

2. Số liệu Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	Chênh lệch tăng/ giảm (+/-)	Tỷ lệ (+/-)
1	Doanh thu thuần	476.552.606.066	379.543.991.371	(+)97.008.614.695	(+)25,56%
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	15.230.031.772	10.616.394.347	(+)4.613.637.425	(+)43,46%

3. Số liệu Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	Chênh lệch tăng/ giảm (+/-)	Tỷ lệ (+/-)
1	Doanh thu thuần	502.683.284.393	386.149.518.592	(+)116.533.765.801	(+)30,18%
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	16.035.861.577	11.563.004.209	(+)4.472.857.368	(+)38,68%

So với năm 2016, năm 2017 doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty tăng là do từ đầu năm 2017 Công ty đã tập trung phát triển thị trường và thực hiện các chương trình khuyến mãi bán hàng nên doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế TNDN tăng so với cùng kỳ năm ngoái, cụ thể:

- Báo cáo kết quả kinh doanh của đơn vị cấp trên: Doanh thu tăng 23,23%, lợi nhuận sau thuế TNDN tăng 2.630,03%

- Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp: Doanh thu tăng 25,56%, lợi nhuận sau thuế TNDN tăng 43,46%

- Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất: Doanh thu tăng 30,18%, lợi nhuận sau thuế TNDN tăng 38,68%,

Vậy Công ty Cổ Phần Tập đoàn Nagakawa kính đề nghị Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội công bố thông tin giải trình trên nhằm giúp các Nhà đầu tư có đầy đủ thông tin về báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017 của Công ty.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu KT, VT



I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

TÀI SẢN		Số cuối năm	Số đầu năm
A	Tài sản ngắn hạn	312.162.876.991	299.865.987.242
I	Tiền và các tài khoản tương đương tiền	11.835.973.518	8.545.805.292
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn		827.000.000
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	137.640.610.527	134.000.500.468
IV	Hàng tồn kho	160.381.293.161	152.756.761.847
V	Tài sản ngắn hạn khác	2.304.999.785	3.735.919.635
B	Tài sản dài hạn	48.640.568.954	41.843.930.486
I	Các khoản phải thu dài hạn		
II	Tài sản cố định	26.998.594.684	22.275.179.246
1	<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	22.383.798.765	22.275.179.246
2	<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>		
3	<i>Tài sản cố định vô hình</i>	4.614.795.919	
III	Bất động sản đầu tư		
IV	Tài sản dở dang dài hạn		
V	Đầu tư tài chính dài hạn	18.774.404.512	17.725.708.094
VI	Tài sản dài hạn khác	2.615.969.757	1.843.043.146
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	360.803.445.945	341.709.917.728

NGUỒN VỐN		Số cuối kỳ	Số đầu năm
C	Nợ phải trả	171.744.727.002	160.511.242.914
I	Nợ ngắn hạn	169.330.414.499	159.886.478.181
II	Nợ dài hạn	2.414.312.503	624.764.733
D	Vốn chủ sở hữu	189.058.718.943	181.198.674.814
I	Vốn chủ sở hữu	189.058.718.943	181.198.674.814
1	<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	148.495.780.000	148.495.780.000
2	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	5.672.110.000	5.672.110.000
3	<i>Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu</i>		
4	<i>Vốn khác của chủ sở hữu</i>		
5	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	(20.000)	(20.000)
6	<i>Chênh lệch đánh giá lại tài sản</i>		
7	<i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>		
8	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	4.552.406.231	3.500.593.946
9	<i>Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp</i>		
10	<i>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</i>		
11	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	19.141.346.979	13.222.040.161
12	<i>Nguồn vốn đầu tư XDCB</i>		
13	<i>Lợi ích của cổ đông không kiểm soát</i>	11.197.095.733	10.308.170.707
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác		
1	<i>Nguồn kinh phí</i>		
2	<i>Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ</i>		
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	360.803.445.945	341.709.917.728



II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU		Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	509.108.192.756	390.538.408.231
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	6.424.908.363	4.388.889.639
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	502.683.284.393	386.149.518.592
4	Giá vốn hàng bán	402.448.524.090	319.552.670.260
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	100.234.760.303	66.596.848.332
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1.208.355.182	2.028.581.218
7	Chi phí tài chính	11.263.670.827	7.677.512.790
	<i>Trong đó chi phí lãi vay</i>	<i>10.776.979.692</i>	<i>7.388.025.599</i>
8	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	1.048.696.418	1.558.455.268
9	Chi phí bán hàng	56.106.940.893	25.476.149.231
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	20.201.481.807	22.721.458.863
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	14.919.718.376	14.308.763.934
12	Thu nhập khác	6.599.856.795	6.385.901.121
13	Chi phí khác	1.141.436.925	5.201.239.762
14	Lợi nhuận khác	5.458.419.870	1.184.661.359
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.378.138.246	15.493.425.293
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.407.594.918	4.231.199.016
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(65.318.249)	(300.777.932)
18	Lợi nhuận sau thuế TNDN	16.035.861.577	11.563.004.209
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	15.646.936.551	11.322.431.839
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	388.925.026	240.572.370
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.054	762
20	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.054	762

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	13,48	12,25
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	86,52	87,75
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	47,60	46,97
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	52,40	53,03
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,90	0,92
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,84	1,88
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4,44	3,38
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,19	2,99
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	8,48	6,38
5	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	+ Vòng quay hàng tồn kho	Lần	2,50	2,05
	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	139,32	113,01

Kế toán trưởng


KẾ TOÁN TRƯỞNG
Huyền Thị Dung

Ngày 26 tháng 03 năm 2018

Tổng giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA
TX. PHÚC YÊN - T. VINH PHÚC

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Huyền Thương

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 – 6
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	7 – 47
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>7 – 10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2017</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2017</i>	<i>12 – 13</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017</i>	<i>14 – 47</i>

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa tiền thân là Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép đầu tư số 24/CP – VP ngày 22 tháng 08 năm 2002 do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp. Công ty được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành doanh nghiệp Việt Nam theo quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 21/03/2007 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000273 ngày 21 tháng 03 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp 14 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi về việc thay đổi vốn, cơ cấu vốn điều lệ của cổ đông sáng lập, bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi tên Công ty. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 số 2500217389 được Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 21 tháng 8 năm 2017 về việc thay đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 148.495.780.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2017: 148.495.780.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
Điện thoại : 0211 873 568
Fax : 0211 873 569
E-mail : Info@nagakawa.com.vn
Mã số thuế : 2 5 0 0 2 1 7 3 8 9

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa	Tầng 2, Số 96A Định Công, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Hà Nội	
Chi nhánh Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa tại Đà Nẵng	Số 225, Hà Huy Tập, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa tại thành phố Hồ Chí Minh	64 Lưu Chí Hiếu, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 47).

Sự kiện quan trọng trong năm tài chính

Theo Quyết định số 08/QĐ/NA-17 ngày 26 tháng 7 năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty quyết định góp vốn với tư cách sáng lập Công ty Cổ phần Điện tử Nagakawa với số tiền 10.200.000.000 VND tương đương với 1.020.000 cổ phần chiếm 51% tổng vốn điều lệ Công ty Cổ phần Điện tử Nagakawa. Hội đồng quản trị ủy quyền cho Ông Nguyễn Đức Anh Vũ là người đại diện phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Điện tử Nagakawa.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Năm 2017, Công ty thực hiện nhiều chính sách quan trọng như nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa, đẩy mạnh hoạt động tiếp thị, khuyến mại, chăm sóc khách hàng và các đại lý bán hàng làm cho chi phí bán hàng của Công ty tăng đáng kể, nhờ đó doanh thu bán hàng của Công ty cũng tăng cao, thị phần trong ngành tăng, uy tín và vị thế của Công ty được nâng tầm và có đủ khả năng cạnh tranh với các thương hiệu uy tín khác.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đức Khả	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Phó Chủ tịch
Bà Đào Thị Soi	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Quý	Ủy viên
Bà Trương Đào Hải Hà	Ủy viên

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Nguyễn Văn Hải	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Bà Vũ Thị Hải Yến	Thành viên	
Ông Vũ Tiến Thành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Bà Chu Thị Hữu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đức Khả	Tổng Giám đốc
Bà Đào Thị Soi	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày BCTC hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày BCTC hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2018

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Huyền Thương

Số : 0606.01.06/2017/NVT2-BCTC
Ngày : 24 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP **Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017**

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa, được lập ngày 24 tháng 3 năm 2018 từ trang 07 đến trang 47, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Hồng Thanh

GCNĐKHNTK số: 0053-2018-124-1

Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNTK số: 1690-2018-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		312.162.876.991	299.865.987.242
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	11.835.973.518	8.545.805.292
1. Tiền	111		8.835.973.518	5.272.805.292
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	3.273.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	827.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	-	827.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		137.640.610.527	134.000.500.468
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	99.905.903.909	82.914.338.817
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	36.739.853.544	49.650.095.431
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	2.800.000.000	3.980.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	1.286.761.441	3.161.767.691
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(3.091.908.367)	(5.705.701.471)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	160.381.293.161	152.756.761.847
1. Hàng tồn kho	141		160.902.236.877	155.566.932.240
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(520.943.716)	(2.810.170.393)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.304.999.785	3.735.919.635
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	537.375.104	698.204.978
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.559.028.058	2.862.713.368
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		208.596.623	175.001.289
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		48.640.568.954	41.843.930.486
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		251.600.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	251.600.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		26.998.594.684	22.275.179.246
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	22.383.798.765	22.275.179.246
<i>Nguyên giá</i>	222		98.473.691.458	94.453.172.789
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(76.089.892.693)	(72.177.993.543)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	4.614.795.919	-
<i>Nguyên giá</i>	228		4.748.758.519	133.962.600
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(133.962.600)	(133.962.600)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	18.774.404.512	17.725.708.094
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		18.774.404.512	17.725.708.094
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.615.969.758	1.843.043.146
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	2.205.088.056	1.497.479.693
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	410.881.702	345.563.453
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		360.803.445.945	341.709.917.728

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		171.744.727.002	160.511.242.914
I. Nợ ngắn hạn	310		169.330.414.499	159.886.478.181
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	8.774.372.445	14.209.454.465
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	3.252.787.102	11.151.896.459
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	4.871.143.806	9.419.620.548
4. Phải trả người lao động	314		2.933.098.275	1.525.122.547
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	4.783.743.961	681.380.852
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	121.528.273	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	190.374.742	1.489.674.044
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	142.349.199.384	118.745.130.462
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	1.996.643.478	2.606.675.771
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		57.523.033	57.523.033
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.414.312.503	624.764.733
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	2.414.312.503	624.764.733
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		189.058.718.943	181.198.674.814
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	189.058.718.943	181.198.674.814
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		148.495.780.000	148.495.780.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		148.495.780.000	148.495.780.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.672.110.000	5.672.110.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(20.000)	(20.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.552.406.231	3.500.593.946
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.141.346.979	13.222.040.161
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.494.410.428	1.899.608.322
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.646.936.551	11.322.431.839
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		11.197.095.733	10.308.170.707
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		360.803.445.945	341.709.917.728

Lập ngày 24 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu



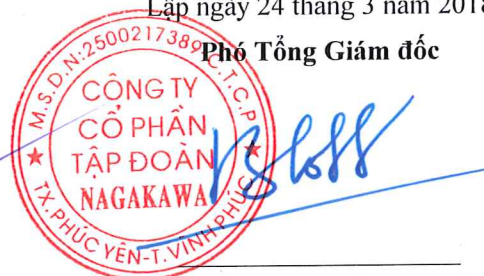
Nguyễn Lan Phương

Kế toán trưởng



Huy Thị Dung

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Huyền Thương

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	509.108.192.756	390.538.408.231
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	6.424.908.363	4.388.889.639
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		502.683.284.393	386.149.518.592
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	402.448.524.090	319.552.670.260
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		100.234.760.303	66.596.848.332
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.208.355.182	2.028.581.218
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	11.263.670.827	7.677.512.790
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10.776.979.692	7.388.025.599
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		1.048.696.418	1.558.455.268
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	56.106.940.893	25.476.149.231
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	20.201.481.807	22.721.458.863
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.919.718.376	14.308.763.934
12. Thu nhập khác	31	VI.8	6.599.856.795	6.385.901.121
13. Chi phí khác	32	VI.9	1.141.436.925	5.201.239.762
14. Lợi nhuận khác	40		5.458.419.870	1.184.661.359
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20.378.138.246	15.493.425.293
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	4.407.594.918	4.231.199.016
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.11	(65.318.249)	(300.777.932)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>16.035.861.577</u>	<u>11.563.004.209</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61		<u>388.925.026</u>	<u>240.572.370</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	62		<u>15.646.936.551</u>	<u>11.322.431.839</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	<u>1.054</u>	<u>762</u>

Lập ngày 24 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc






Nguyễn Lan Phương

Huy Thị Dung

Nguyễn Thị Huyền Thương

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số t minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	20.378.138.246	15.493.425.293
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	4.283.044.596	4.232.703.295
- Các khoản dự phòng	03	(5.513.052.074)	7.310.462.544
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	3.184.862	43.628.625
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(862.371.650)	(1.584.214.545)
- Chi phí lãi vay	06	10.776.979.692	7.388.025.599
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	29.065.923.672	32.884.030.811
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.835.482.142)	(23.412.138.491)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(5.335.304.637)	(53.737.622.922)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(9.348.250.432)	8.789.288.052
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(546.778.489)	(110.183.952)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(10.741.651.424)	(7.299.993.924)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.243.599.263)	(3.177.320.384)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(6.985.142.715)	(46.063.940.810)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(9.881.227.228)	(4.082.339.585)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	205.500.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(51.089.975.800)	(32.307.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	53.096.975.800	38.733.035.050
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1.538.057.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	9.050.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.130.597.589	1.741.835.129
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.538.129.639)	11.597.473.594

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số t minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	343.115.406.915	305.079.312.595		
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(317.721.790.223)	(266.328.124.427)		
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.580.062.213)	(3.141.210.897)		
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>16.813.554.479</i>	<i>35.609.977.271</i>		
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	3.290.282.125	1.143.510.055		
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	8.545.805.292	7.402.031.777	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61	(113.899)	263.460		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	11.835.973.518	8.545.805.292	

Lập ngày 24 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

Nguyễn Lan Phương

Kế toán trưởng

Huy Thị Dung

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Huyền Thương

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, thương mại
- Ngành nghề kinh doanh:**
Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty gồm:
 - Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
 - Sản xuất đồ điện dân dụng. Chi tiết: Sản xuất đồ điện dân dụng, điều hòa không khí;
 - Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
 - Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
 - Sản xuất thiết bị điện khác. Chi tiết: Sản xuất và mua bán máy móc thiết bị điện, vật liệu điện./.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- Hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**
Năm 2017, Công ty thực hiện nhiều chính sách quan trọng như nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa, đẩy mạnh hoạt động tiếp thị, khuyến mại, chăm sóc khách hàng và các đại lý bán hàng làm cho chi phí bán hàng của Công ty tăng đáng kể, nhờ đó doanh thu bán hàng của Công ty cũng tăng cao, thị phần trong ngành tăng, uy tín và vị thế của Công ty được nâng tầm và có đủ khả năng cạnh tranh với các thương hiệu uy tín khác.
- Cấu trúc doanh nghiệp:**
Các Công ty con được hợp nhất:

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i>	<i>Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	80%	80%
Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng	225 Hà Huy Tập, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng	52%	52%
Công ty Cổ phần Nagakawa thành phố Hồ Chí Minh	31 Hồ Văn Huê, phường 09, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	51%	51%
Công ty Cổ phần Điện tử Nagakawa	Tầng 2, Số 96A Định Công, Thanh Xuân, Hà Nội	95%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các Công ty liên doanh liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ:

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i>	<i>Tỷ lệ theo Giấy CNDKKD</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển hạ tầng Nagakawa	Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	100%	28%
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam	Khu 9, Phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	48%	48%

Các đơn vị trực thuộc hạch toán độc lập:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa Chi nhánh Hà Nội	Tầng 2, Số 96A Định Công, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa tại Đà Nẵng	Số 225, Hà Huy Tập, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa tại thành phố Hồ Chí Minh	64 Lưu Chí Hiếu, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất:** Số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	03

b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Tại thời điểm lập báo cáo này phần mềm máy vi tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí trả trước khác

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa vào giá trị tài sản khi có đủ điều kiện theo qui định chuẩn mực kế toán Việt nam số 16 “ Chi phí đi vay”.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả. Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả của Công ty là các khoản dự phòng bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính bằng 1% trên doanh thu thuần đối với sản phẩm là điều hòa nhiệt độ và 0,5% trên doanh thu thuần đối với hàng gia dụng và được thực hiện vào thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

14. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- + Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyên nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

19. Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

b) Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

c) Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.224.887.105	2.438.684.240
Tiền gửi ngân hàng	6.611.086.413	2.834.121.052
Các khoản tương đương tiền	3.000.000.000	3.273.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng	3.000.000.000	3.273.000.000
Cộng	11.835.973.518	8.545.805.292

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng, cuối năm Công ty đã thực hiện tất toán.

b) Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Giá trị	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Giá trị
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Nagakawa (*)	28%	4.148.336.292	28%	4.148.336.292
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam (**)	48%	14.626.068.220		13.577.371.802
Cộng		18.774.404.512		17.725.708.094

(*) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Nagakawa với tỷ lệ cổ phần sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 28%. Công ty đã góp đủ vốn theo

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cam kết, tỷ lệ cổ phần sở hữu thực tế là 100% do các cổ đông khác chưa góp vốn điều lệ. Khoản đầu tư này được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ như sau:

Vốn góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017	5.040.000.000
Tỷ lệ vốn góp thực tế đến ngày 31 tháng 12 năm 2017	100%
Giảm giá trị khoản đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu	<u>(891.663.708)</u>
Giá trị khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>4.148.336.292</u>

(**) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam với tỷ lệ sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 48% tương đương với 12.000.000 cổ phần, giá trị 12.000.000.000 VND, đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã góp đủ 12.000.000.000 VND. Khoản đầu tư này được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ như sau:

Vốn góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017	12.000.000.000
Tỷ lệ vốn góp thực tế đến ngày 31 tháng 12 năm 2017	48%
Tăng giá trị khoản đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu	<u>2.626.068.220</u>
Giá trị khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>14.626.068.220</u>

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	14.073.953.398	22.236.157.873
Công ty TNHH Phát Triển Kinh Tế Quốc Tế Anh Vũ	14.073.953.398	22.236.157.873
Phải thu các khách hàng khác (*)	85.831.950.511	60.678.180.944
Công ty cổ phần phát triển thương mại Bẫy Lợi	3.801.176.504	2.269.173.520
Ban QLDA các công trình Bưu điện-Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	12.417.359.750	-
Công ty TNHH điện máy Nhân Việt	16.123.662.090	5.713.651.743
Các đối tượng khác	<u>53.489.752.167</u>	<u>52.695.355.681</u>
Cộng	<u>99.905.903.909</u>	<u>82.914.338.817</u>

(*) Trong đó các khoản phải thu khách hàng được trích lập dự phòng xem phụ lục số 01.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	19.860.772.581	21.809.945.590
Công ty TNHH Phát Triển Kinh Tế Quốc Tế Anh Vũ	19.860.772.581	21.809.945.590
Trả trước cho người bán khác	16.879.080.963	27.840.149.841
PT ARISAMANDIRI PRATAMA	2.118.696.353	-
Công ty Cổ phần Điện Gia Dụng Nagakawa	1.300.951.400	1.300.951.400
Công ty TNHH Cơ điện lạnh HC Toàn Cầu	1.945.056.470	-
Công ty Cổ phần cơ điện lạnh Hoàn Kiếm	-	1.224.076.704
Công ty TNHH Thương Mại Và Tư Vấn Kỹ thuật- Cao	1.570.687.501	5.160.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Tuấn Hằng	-	2.844.130.000
TCL Air Conditioner (Zhongshan) Co., LTD	1.136.499.973	2.402.648.348
Công ty Cổ phần Thương mại và Thiết bị điện Việt Nam	-	6.348.500.000
Đối tượng khác	<u>8.807.189.266</u>	<u>8.559.843.389</u>
Cộng	<u>36.739.853.544</u>	<u>49.650.095.431</u>

(**) Trong đó các khoản trả trước được trích lập dự phòng xem phụ lục số 01.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	2.800.000.000	3.980.000.000
Ông Nguyễn Văn Hiệu vay lãi suất 0,7%/tháng	-	780.000.000
Ông Trương Quang Tú vay lãi suất 0,7%/tháng	-	1.500.000.000
Bà Trịnh Thị Yên vay lãi suất 0,5%/tháng	2.800.000.000	1.700.000.000
Cộng	2.800.000.000	3.980.000.000

6. Các khoản phải thu khác**a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.286.761.441	-	3.161.767.691	-
Ký cược, ký quỹ	518.185.115	-	705.749.392	-
Tạm ứng khác	768.576.326	-	1.190.526.162	-
Lãi vay phải thu	-	-	14.462.689	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	-	-	1.251.029.448	-
Cộng	1.286.761.441	-	3.161.767.691	-

b) Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ ký cược tại các công ty con.

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động các khoản dự phòng trong năm:

	<u>Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn</u>	<u>Nợ phải thu, cho vay dài hạn</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	(5.705.701.471)	-	(5.705.701.471)
Hoàn nhập dự phòng	2.613.793.104	-	2.613.793.104
Số cuối năm	(3.091.908.367)	-	(3.091.908.367)

*Nợ xấu và trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày tại Phụ lục số 01.***8. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng (*)</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	43.232.019.333	38.127.280	35.340.217.071	302.826.674
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.497.230.403	-	3.389.876.719	-
Thành phẩm	18.888.454.842	-	12.590.136.980	1.415.003.204
Hàng hóa	95.284.532.299	482.816.436	104.246.701.470	1.092.340.515
Cộng	160.902.236.877	520.943.716	155.566.932.240	2.810.170.393

() Hàng tồn kho trích lập dự phòng trong năm là những mặt hàng ứ đọng lâu ngày, mẫu mã cũ không phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng và khó có khả năng tiêu thụ, Công ty tiếp tục thực hiện thanh lý, chia tách các bộ phận còn có thể sử dụng của những mặt hàng này và trích lập dự phòng bổ sung để phản ánh chính xác giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.*

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(2.810.170.393)	(792.229.253)
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.899.317.702)	(3.001.391.771)
Hoàn nhập dự phòng	4.188.544.379	983.450.631
Số cuối năm	(520.943.716)	(2.810.170.393)

9. Chi phí trả trước

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê văn phòng	102.400.000	56.000.000
Chi phí CCDC xuất dùng	190.211.236	46.741.080
Chứng nhận sản phẩm hợp quy	48.000.001	-
Chi phí bảo hiểm tài sản	32.727.271	35.905.862
Nhà bạt di động	52.666.667	-
Chi phí làm biển quảng cáo	72.795.090	474.251.785
Chi phí làm kệ trưng bày hội nghị	9.048.336	64.143.751
Chi phí bảo trì phần mềm	6.490.000	17.249.999
Chi phí trả trước khác	23.036.503	3.912.501
Cộng	537.375.104	698.204.978

b) Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	1.040.743.614	475.206.868
Chi phí sửa chữa ô tô	17.848.328	52.700.207
Chi phí thiết kế, thu công hạng mục nội thất, nhà xưởng	153.291.001	-
Chi phí làm biển quảng cáo	285.846	14.085.796
Chi phí cải tạo sửa chữa nhà máy	529.103.918	246.125.642
Chi phí thử nghiệm hiệu suất năng lượng cho điều hòa	226.104.158	490.249.997
Chi phí đánh giá chứng nhận sản phẩm hợp quy EMC	130.777.784	202.111.112
Chi phí mua phần mềm Win bản quyền, phần mềm khai báo hải quan	70.385.724	-
Chi phí trả trước khác	36.547.683	17.000.071
Cộng	2.205.088.056	1.497.479.693

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	27.370.479.602	60.003.262.562	6.465.570.269	187.107.280	426.753.076	94.453.172.789
Tăng do mua sắm	-	-	4.632.684.547	199.561.000	-	4.832.245.547
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(781.226.878)	(30.500.000)	-	(811.726.878)
Số cuối năm	27.370.479.602	60.003.262.562	10.317.027.938	356.168.280	426.753.076	98.473.691.458
Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	2.386.159.722	37.527.622.447	2.481.971.148	156.607.280	43.578.637	42.595.939.234
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	13.761.918.165	54.073.532.667	4.111.856.794	187.107.280	43.578.637	72.177.993.543
Tăng do trích khấu hao	1.442.625.528	2.198.820.839	558.865.644	6.097.697	76.634.888	4.283.044.596
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(340.645.446)	(30.500.000)	-	(371.145.446)
Số cuối năm	15.204.543.693	56.272.353.506	4.330.076.992	162.704.977	120.213.525	76.089.892.693

Giá trị còn lại

Số đầu năm	13.608.561.437	5.929.729.895	2.353.713.475	-	383.174.439	22.275.179.246
Số cuối năm	12.165.935.909	3.730.909.056	5.986.950.946	193.463.303	306.539.551	22.383.798.765

Một số tài sản có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 55.053.251.161 VND và 13.229.403.446 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long bao gồm toàn bộ nhà xưởng và một phần máy móc thiết bị phục vụ sản xuất điều hòa.

Tài sản xe ô tô Toyota Fortuner có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 958.627.273 VND và 519.255.400 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long.

Tài sản xe Mazda BT-50 2.2L Facelift có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 617.445.455 VND và 551.290.586 VND đang được thế chấp tại ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty con.

Tài sản là 2 xe ô tô For Ranger XLS AT và 1 xe KIA 7 chỗ có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 2.239.463.637 VND và 2.187.246.583 VND đang được thế chấp tại ngân hàng Quân Đội - Chi nhánh Hồ Chí Minh.

Tài sản là xe ô tô Nissan Xtrail T32 SL Premium và ô tô Ford Ranger XLS AT có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 1.589.505.455 VND và 1.582.384.015 VND đang được thế chấp tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	133.962.600	133.962.600
Tăng do mua sắm	4.614.795.919	-	4.614.795.919
Số cuối năm	4.614.795.919	133.962.600	4.748.758.519
Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	-	133.962.600	133.962.600
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	133.962.600	133.962.600
Số cuối năm	-	133.962.600	133.962.600
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	4.614.795.919	-	4.614.795.919

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm liên quan đến lãi nội bộ tập đoàn trong hàng tồn kho chưa thực hiện, chi tiết:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	345.563.453	44.785.521
Phát sinh trong năm	410.881.702	345.563.453
Hoàn nhập trong năm	(345.563.453)	(44.785.521)
Số cuối năm	410.881.702	345.563.453

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	655.000.001	-
Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ	655.000.001	-
Phải trả các nhà cung cấp	8.119.372.444	14.209.454.465
Công ty cổ phần thép 134 Hà Nội	2.227.820.060	-
TCL Air Conditioner (Zhongshan) Co., LTD.	-	7.078.468.332
Guangdong chigo heating and ventilation equipment co.,ltd (USD)	-	2.264.953.393
Phải trả cho các đối tượng khác	5.891.552.384	4.866.032.740
Cộng	8.774.372.445	14.209.454.465

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các bên liên quan	1.756.111.528	1.081.282.440
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam	1.756.111.528	1.081.282.440
Trả trước của các khách hàng	1.496.675.574	10.070.614.019
Công ty TNHH phát triển thương mại Hưng Thịnh	786.981.991	1.055.472.904
Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	-	7.722.908.000
Các đối tượng khác	709.693.583	1.292.233.115
Cộng	<u>3.252.787.102</u>	<u>11.151.896.459</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	410.908.141	-	3.690.084.479	3.900.636.086	201.177.898	821.364
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	8.574.638.924	8.574.638.924	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu	-	78.013.620	514.564.584	436.550.964	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng xuất bán	100.588.224	-	616.120.107	725.561.144	-	8.852.813
Thuế xuất, nhập khẩu	-	96.987.669	5.839.787.513	5.832.546.312	-	89.746.468
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.560.341.739	-	4.407.594.918	8.243.599.263	833.513.372	109.175.978
Thuế thu nhập cá nhân	19.694.099	-	442.334.146	429.502.291	32.525.954	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	471.175.774	471.175.774	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.328.088.345	-	658.583.029	1.182.744.792	3.803.926.582	-
Cộng	<u>9.419.620.548</u>	<u>175.001.289</u>	<u>25.214.883.474</u>	<u>29.796.955.550</u>	<u>4.871.143.806</u>	<u>208.596.623</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng là 20%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác, Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	238.174.847	202.846.579
Chi phí thuê kho phải trả	50.000.000	13.000.000
Chi phí du lịch của đại lý đạt đủ doanh số	310.000.000	-
Trích trước chi phí chiết khấu hàng bán	4.185.569.114	-
Trích trước chi phí quà tặng	-	331.997.000
Chi phí khác	-	133.537.273
Cộng	<u>4.783.743.961</u>	<u>681.380.852</u>

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là khoản doanh thu chưa thực hiện của dự án thi công lắp đặt hệ thống điều hòa tại Công ty Cổ phần Tuần Châu Hà Nội.

18. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
BHXH, BHYT, BHTN	31.578.526	7.319.445
Chiết khấu bán hàng phải trả	-	1.419.721.544
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	158.388.290	62.633.055
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	407.926	-
Cộng	<u>190.374.742</u>	<u>1.489.674.044</u>

19. Vay và nợ thuê tài chính**a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Khả năng trả nợ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	138.263.662.711	138.263.662.711	118.460.167.129	118.460.167.129
NH TMCP Đại Chúng VN- CN Thăng Long (a)	92.493.130.797	92.493.130.797	89.179.755.823	89.179.755.823
Ngân hàng NN và PTNT Phúc Yên	-	-	1.790.340.640	1.790.340.640
NH TMCP Quân Đội - CN Thăng Long- PGD Lê Trọng Tấn (b)	30.783.339.613	30.783.339.613	8.116.392.900	8.116.392.900
NH TMCP Vietinbank - CN Bắc Thăng Long	-	-	19.373.677.766	19.373.677.766
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Ba Đình (c)	14.987.192.301	14.987.192.301	-	-
Vay ngắn hạn các cá nhân	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
Ông Trương Quang Tú	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	1.085.536.673	1.085.536.673	284.963.333	284.963.333
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Đà Nẵng	102.000.000	102.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Vietinbank - CN Bắc Thăng Long	-	-	129.960.000	129.960.000
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	217.200.000	217.200.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hồ Chí Minh	611.333.340	611.333.340	-	-
NH TMCP Đại Chúng VN- CN Thăng Long	155.003.333	155.003.333	155.003.333	155.003.333
Cộng	<u>142.349.199.384</u>	<u>142.349.199.384</u>	<u>118.745.130.462</u>	<u>118.745.130.462</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(a) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 08/2017/HMTD/PVBTL-Nagakawa, tổng hạn mức tín dụng tại mọi thời điểm không vượt quá 120 tỷ đồng. Trong đó dư nợ cho vay, phát hành LC và bảo lãnh thanh toán tối đa là 100 tỷ đồng, số tiền cấp bảo lãnh tối đa là 20 tỷ đồng, hạn mức tín dụng trên bao gồm toàn bộ dư nợ Hợp đồng hạn mức tín dụng số 07/2016/HMTD/PVBTL-Nagakawa ngày 06/6/2016. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày 08/06/2017, thời hạn cho vay tối đa 06 tháng, lãi suất cho vay được ghi cụ thể trong mỗi khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Gốc vay được trả hết vào ngày kết thúc thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ và lãi vay được trả định kỳ vào ngày 26 hàng tháng. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Bất động sản tại số nhà 112 ngõ 115/206 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội thuộc quyền sở hữu của Bà Đào Thị Soi và Ông Nguyễn Đức Khả theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 10111071095.

+ Bất động sản tại số 05, ngách 105, ngõ Xã Đàn 2, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, TP Hà Nội, thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 010913519700112.

+ Bất động sản tại số 106 ngõ 155/206 đường Trường Chinh phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội thuộc quyền sở hữu của bà Đào Thị Soi và ông Nguyễn Đức Khả theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 10111071019.

+ Bất động sản tại thửa đất số 72.1, tờ bản đồ số 14, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội thuộc sở hữu của bà Đào Thị Soi và ông Nguyễn Đức Khả theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI272273.

+ Bất động sản tại thửa đất số 13, tờ bản đồ 27, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Hà Nội, thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Đình Tấn và bà Đào Thị Hoa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 750752.

+ Toàn bộ nhà xưởng trên đất tại thửa đất số 340, tờ bản đồ số 26, phường Phúc Thắng, Phúc Yên, Vĩnh Phúc thuộc sở hữu của Công ty.

+ Hệ thống máy móc thiết bị, điều hòa, tủ đông thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa, chi tiết về tài sản đảm bảo được thể hiện tại hợp đồng thế chấp số 07/2014/HĐTC/PVBTL-Nagakawa ký ngày 31/10/2014.

+ Cổ phiếu do Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa phát hành thuộc sở hữu của Công ty TNHH PTKT Quốc tế Anh Vũ thể hiện trên hợp đồng cầm cố cổ phiếu niêm yết số 08/2014/HĐCC/PVBTL-AnhVu ký ngày 31/10/2014.

+ Cổ phiếu do Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa phát hành thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đức Khả thể hiện trên hợp đồng cầm cố cổ phiếu niêm yết số 10/2014/HĐCC/PVBTL-ONGKHA ký ngày 31/10/2014.

+ Hàng tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa, chi tiết về hàng hóa được thể hiện trên hợp đồng thế chấp hàng hóa số 12/2014/HĐTC/PVBTL-NAGAKAWA ký ngày 31/10/2014.

+ Thế chấp tối thiểu 40% cổ phần Công ty dệt may KLV thuộc sở hữu của cổ đông với giá trị số sách tối thiểu 20 tỷ đồng.

(b) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 15552.17.068.879737.TD ngày 24 tháng 8 năm 2017 với hạn mức cho vay 96 tỷ, hạn mức phát hành L/C: 30 tỷ, hạn mức bảo lãnh 10 tỷ, thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 12 tháng. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất các mặt hàng điện lạnh của khách hàng năm 2017 - 2018. Lãi suất, ngày điều chỉnh lãi suất, kỳ điều chỉnh lãi suất theo văn bản nhận nợ của Ngân hàng. Tài sản đảm bảo là các mặt hàng thành phẩm do khách hàng sản xuất có thời hạn tối đa không quá 1 năm tính đến thời điểm nhận thế chấp,

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

được để tại kho riêng, có khóa riêng và có bảo vệ do Ngân hàng chỉ định, được thế chấp và đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định, không bị trùng với các tổ chức tín dụng khác.

(c) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 27/2017/HDTD/BDI/01 ngày 23 tháng 3 năm 2017 với tổng mức cấp tín dụng tối đa là 30 tỷ đồng, thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 12 tháng. Mục đích vay nhằm thanh toán các chi phí phục vụ hoạt động kinh doanh. Lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ, được xác định điều chỉnh một tháng một lần. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng: Tài sản thuộc sở hữu của chủ doanh nghiệp, cổ đông góp vốn hoặc các cá nhân là bố, mẹ, anh, chị, em ruột của cổ đông công ty; Tại mọi thời điểm dư nợ + số dư L/C đã ký hậu vận đơn được đảm bảo bằng tài sản đảm bảo là hàng tồn kho luân chuyển không vượt quá 10 tỷ đồng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	118.460.167.129	336.778.306.915	-	316.974.811.333	138.263.662.711
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	284.963.333	-	1.228.863.340	428.290.000	1.085.536.673
Cộng	118.745.130.462	339.778.306.915	1.228.863.340	317.403.101.333	142.349.199.384

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng	2.414.312.503	2.414.312.503	624.764.733	624.764.733
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Đà Nẵng (a)	340.000.000	340.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Viettinbank - CN Bắc Thăng Long (b)	-	-	314.270.000	314.270.000
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An (c)	869.900.000	869.900.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hồ Chí Minh (d)	1.026.777.770	1.026.777.770	-	-
NH TMCP Đại Chúng VN- CN Thăng Long (e)	177.634.733	177.634.733	310.494.733	310.494.733
Cộng	2.414.312.503	2.414.312.503	624.764.733	624.764.733

(a) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng theo hợp đồng vay số 21.04/2017/HĐCV ký ngày 25 tháng 04 năm 2017, số tiền vay 510.000.000 VND với mục đích vay tài trợ chi phí mua xe ô tô theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số 6903/2017/HĐMB ngày 16/03/2017. Hợp đồng vay có thời hạn 60 tháng, lãi suất vay được thỏa thuận theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản thế chấp là ô tô tải pickup cabin kép Mazda BT-50 AT 2.2L Facelift, sản xuất năm 2016, BKS 43C-149.39 có giá trị 665.000.000 VND.

(b) Là khoản vay ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Thăng Long theo hợp đồng tín dụng số 59/2015-HĐTDDA/NHCT145-PGDBH-Nagakawa ký ngày 11/05/2015,

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

mục đích vay: thanh toán tiền mua xe ô tô Kia Sorento, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất 8,5%/năm và được điều chỉnh 01 tháng/lần. Gốc và lãi được trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng và bắt đầu từ ngày 25/06/2015. Hợp đồng vay này được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp động sản số 58/2015/HĐTC-NHCT145-PGDBH ký ngày 11/05/2015, tài sản thế chấp là xe ô tô Kia Sorento được định giá giá trị một tỷ đồng. Cuối năm Công ty đã thanh toán toàn bộ khoản vay và tiến hành giải chấp tài sản thế chấp

(c) Là khoản vay ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An theo hợp đồng tín dụng số 22/2017/HĐCV-NHCT320/NAGAKAWA ký ngày 22/12/2017, mục đích vay: thanh toán tiền mua xe ô tô, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất theo quy định từng kỳ của Ngân hàng. Tài sản thế chấp là xe ô tô Nissan Xtrail T32 SL Premium L (SL-G) và ô tô Ford Ranger XLS AT

(d) Là các khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo các hợp đồng vay như sau:

- Hợp đồng vay số 27368.17.106.3515544.TD ký ngày 15/11/2017, số tiền vay 470.000.000 VND với mục đích cho vay bù đắp đầu tư mua ô tô phục vụ mục đích đi lại của doanh nghiệp. Hợp đồng vay có thời hạn 36 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 9,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Gốc vay được trả định kỳ 03 tháng/lần. Tài sản thế chấp là ô tô biển kiểm soát 51D-197.09.

- Hợp đồng vay số 27653.17.106.3515544.TD ký ngày 16/11/2017, số tiền vay 800.000.000 VND với mục đích cho vay bù đắp đầu tư mua ô tô phục vụ mục đích đi lại của doanh nghiệp. Hợp đồng vay có thời hạn 36 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 9,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Gốc vay được trả định kỳ 03 tháng/lần. Tài sản thế chấp là ô tô biển kiểm soát 51F-899.48.

- Hợp đồng vay số số 23475.17.106.351.5544.TD ngày 24/10/2017, số tiền vay 473.690.000 VND với mục đích cho vay bù đắp đầu tư mua ô tô phục vụ mục đích đi lại của doanh nghiệp. Hợp đồng vay có thời hạn 36 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 9,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Gốc vay được trả định kỳ 03 tháng/lần. Tài sản thế chấp là ô tô biển kiểm soát 51D-191.38.

(e) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng vay số 04/2015/HĐCV/PVBTL-NAGA.IDT ký ngày 14/04/2015, số tiền vay 664.300.000 VND với mục đích cho vay bù đắp đầu tư mua ô tô phục vụ mục đích đi lại của doanh nghiệp. Hợp đồng vay có thời hạn 60 tháng, lãi suất cho vay trong hạn áp dụng đến hết ngày 31/07/2015 là 11,5%/năm, từ 01/08/2015 lãi suất điều chỉnh theo quy định của ngân hàng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Gốc vay được trả định kỳ 03 tháng/lần, kỳ gốc vay đầu tiên thanh toán vào ngày 26/07/2015, lãi vay được trả 01 tháng/lần vào ngày 26. Tài sản thế chấp là ô tô Toyota Fortuner theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 08/2015/HĐTC/PVBTL-NAGA.IDT có giá trị 949.000.000VND

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	1.085.536.673	284.963.333
Trên 1 năm đến 5 năm	2.414.312.503	624.764.733
Trên 5 năm	-	-
Cộng	<u>3.499.849.176</u>	<u>909.728.066</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	624.764.733	1.012.584.733
Số tiền vay phát sinh trong năm	3.337.100.000	-
Số tiền vay đã trả	(318.688.890)	(68.750.000)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(1.228.863.340)	(319.070.000)
Số cuối năm	<u>2.414.312.503</u>	<u>624.764.733</u>

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là dự phòng phải trả ngắn hạn cho hoạt động bảo hành sản phẩm tiêu thụ và bảo hành công trình xây lắp. Chi tiết phát sinh trong năm của khoản dự phòng phải trả ngắn hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.606.675.771	1.654.040.913
Tăng do trích lập (*)	1.811.001.570	2.578.478.443
Kết chuyển từ dự phòng phải trả dài hạn	-	17.458.900
Số sử dụng trong năm	(2.398.624.557)	(1.627.526.441)
Số hoàn nhập (*)	(22.409.306)	(15.776.044)
Số cuối năm	<u>1.996.643.478</u>	<u>2.606.675.771</u>

Số hoàn nhập trong năm là số dự phòng bảo hành công trình đã hết thời hạn bảo hành được trình bày ở chỉ tiêu Thu nhập khác (xem thuyết minh VI.8), số hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm tiêu thụ được bù trừ với số tăng do trích lập trong năm.

21. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Lợi ích Cổ đông không kiểm soát</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	148.495.780.000	5.672.110.000	(20.000)	3.500.593.946	5.103.452.274	2.914.598.337	165.686.514.557
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	11.322.431.839	240.572.370	11.563.004.209
Cổ đông thiểu số góp vốn vào công ty con	-	-	-	-	-	7.153.000.000	7.153.000.000
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	(3.203.843.952)	-	(3.203.843.952)
Số dư cuối năm trước	<u>148.495.780.000</u>	<u>5.672.110.000</u>	<u>(20.000)</u>	<u>3.500.593.946</u>	<u>13.222.040.161</u>	<u>10.308.170.707</u>	<u>181.198.674.814</u>
Số dư đầu năm nay	148.495.780.000	5.672.110.000	(20.000)	3.500.593.946	13.222.040.161	10.308.170.707	181.198.674.814
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	15.646.936.551	388.925.026	16.035.861.577
Cổ đông thiểu số góp vốn vào công ty con	-	-	-	-	-	500.000.000	500.000.000
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	(8.675.817.448)	-	(8.675.817.448)
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.051.812.285	(1.051.812.285)	-	-
Số dư cuối năm	<u>148.495.780.000</u>	<u>5.672.110.000</u>	<u>(20.000)</u>	<u>4.552.406.231</u>	<u>19.141.346.979</u>	<u>11.197.095.733</u>	<u>189.058.718.943</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Phân phối lợi nhuận**

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2016 và Nghị quyết số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ-NAG ngày 21 tháng 4 năm 2017 như sau:

		VND
• Chia cổ tức, lợi nhuận	:	8.675.817.448
• Trích quỹ đầu tư phát triển	:	1.051.812.285

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	148.495.780.000	148.495.780.000
Thặng dư vốn cổ phần	5.672.110.000	5.672.110.000
Cổ phiếu quỹ	(20.000)	(20.000)
Cộng	<u>154.167.870.000</u>	<u>154.167.870.000</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.849.578	14.849.578
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.849.578	14.849.578
- Cổ phiếu phổ thông	14.849.578	14.849.578
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(2)	(2)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.849.576	14.849.576
- Cổ phiếu phổ thông	14.849.576	14.849.576

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần.

22. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán
a, Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	906,85	743,58

b, Nợ khó đòi đã xử lý

Đối tượng	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Tòa soạn báo Tiền Phong	47.723.000	47.723.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Thuận An	525.607.000	525.607.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Doanh nghiệp tư nhân Phú Tài	283.250.000	283.250.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Cửa hàng Nhật Anh	125.087.382	125.087.382	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Zhe Jiang Phidas Electric Appliance Manu	104.612.027	104.612.027	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Trảng An	30.000.000	30.000.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Cộng	<u>1.116.279.409</u>	<u>1.116.279.409</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****a, Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	466.288.724.071	371.981.545.659
Doanh thu cung cấp dịch vụ	42.819.468.685	18.556.862.572
Tổng doanh thu	<u>509.108.192.756</u>	<u>390.538.408.231</u>

b, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Phát Triển Kinh Tế Quốc Tế Anh Vũ	152.821.712.568	73.540.019.333
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam	205.920.600	452.807.600
Cộng	<u>153.027.633.168</u>	<u>73.992.826.933</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	1.876.442.738	666.699.134
Giảm giá hàng bán	-	11.272.327
Chiết khấu thương mại	4.548.465.625	3.710.918.178
Cộng	<u>6.424.908.363</u>	<u>4.388.889.639</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	364.188.315.719	300.849.454.029
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	40.549.435.048	16.685.275.091
Dự phòng/ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.289.226.677)	2.017.941.140
Cộng	<u>402.448.524.090</u>	<u>319.552.670.260</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn, tiền cho vay	1.116.134.900	1.846.990.485
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	92.220.282	181.590.733
Cộng	<u>1.208.355.182</u>	<u>2.028.581.218</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	10.776.979.692	7.388.025.599
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	483.506.273	245.858.566
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	3.184.862	43.628.625
Cộng	<u>11.263.670.827</u>	<u>7.677.512.790</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	8.507.877.331	3.965.817.324
Chi phí vật liệu, bao bì	29.027.274	12.647.727
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	298.655.660	112.412.089
Chi phí khấu hao tài sản cố định	306.343.147	274.985.436
Chi phí chi trả các trạm bảo hành	3.010.503.544	3.201.014.033
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.646.185.626	8.237.034.218
Các chi phí khác	23.308.348.311	9.672.238.404
Cộng	<u>56.106.940.893</u>	<u>25.476.149.231</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	10.141.870.506	6.628.181.290
Chi phí vật liệu quản lý	130.444.632	74.241.442
Chi phí đồ dùng văn phòng	870.791.507	223.646.002
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.813.451.093	1.467.180.398
Thuế, phí và lệ phí	579.181.819	536.840.376
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(2.613.793.104)	4.357.345.446
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.753.269.341	6.419.057.837
Các chi phí khác	3.526.266.013	3.014.966.072
Cộng	<u>20.201.481.807</u>	<u>22.721.458.863</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu cho thuê văn phòng	6.087.272.722	6.062.727.262
Linh kiện bảo hành được miễn phí	334.116.975	-
Thu cho thuê ô tô	109.090.909	-
Thu từ thanh lý công cụ dụng cụ	19.900.000	-
Điều chỉnh công nợ phải trả người bán	-	278.834.182
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	22.409.306	15.776.044
Thu nhập khác	27.066.883	28.563.633
Cộng	<u>6.599.856.795</u>	<u>6.385.901.121</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền phạt do hủy hợp đồng	-	96.236.910
Tiền phạt, truy thu thuế theo biên bản kiểm tra	472.586.386	4.725.779.554
Chi phí thanh lý nhượng bán tài sản cố định	253.763.250	-
Điều chỉnh giảm hóa đơn	103.080.000	-
Giá trị công cụ dụng cụ thanh lý	9.171.640	-
Các khoản phạt truy thu khác	42.318.414	365.048.588
Thuế nhập khẩu, thuế bảo vệ môi trường	182.553.153	2.338.917
Chi ủng hộ	76.472.598	5.629.215
Chi phí khác	1.491.484	6.206.578
Cộng	<u>1.141.436.925</u>	<u>5.201.239.762</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.378.138.246	15.493.425.293
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	120.839.848	5.292.496.948
Tiền phạt truy thu thuế theo thanh tra, hải quan	986.899.152	5.345.622.036
Các khoản phạt, truy thu thuế khác	472.586.386	4.725.779.554
Thù lao Ban kiểm soát không trực tiếp điều hành	224.871.567	365.048.588
Chi ủng hộ, chi phí không hợp lệ khác	109.210.844	44.655.208
- Các khoản điều chỉnh giảm	180.230.355	210.138.686
Lỗi tại Công ty con quyết toán riêng	(866.059.304)	(53.125.088)
Lỗi phát sinh trong quá trình hợp nhất	(669.970.484)	-
	<u>(196.088.820)</u>	<u>(53.125.088)</u>
Tổng thu nhập chịu thuế	20.498.978.094	20.785.922.241
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	4.099.795.619	4.157.184.448
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<i>307.799.299</i>	<i>74.014.568</i>
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	4.407.594.918	4.231.199.016

11. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(410.881.702)	(345.563.453)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	345.563.453	44.785.521
Cộng	(65.318.249)	(300.777.932)

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.646.936.551	11.322.431.839
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.646.936.551	11.322.431.839
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	14.849.576	14.849.576
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.054	762

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	14.849.576	14.849.576
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tăng thêm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	14.849.576	14.849.576

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Chi phí theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, dụng cụ đồ dùng	34.323.877.077	14.962.571.807
Chi phí nhân công	19.098.828.165	11.036.677.438
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.283.044.596	4.232.703.295
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.119.349.999	23.000.798.640
Chi phí trạm bảo hành	3.010.503.544	3.201.014.033
Chi phí dự phòng	(2.878.492.498)	5.469.041.018
Chi phí bằng tiền khác	27.413.796.143	13.215.672.852
Cộng	<u>125.370.907.026</u>	<u>75.118.479.083</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**Giao dịch không bằng tiền**

Trong năm 2017 không phát sinh giao dịch không bằng tiền. Năm 2016, Công ty phát sinh giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chuyển khoản cho vay thành đầu tư góp vốn liên kết	-	- 10.037.064.000
Chuyển khoản lãi cho vay thành đầu tư góp vốn liên kết	-	- 424.879.000
Cộng	-	- 10.461.943.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Thu tiền tạm ứng đầu tư	-	8.761.000.000
Cá nhân không còn là thành viên		
Hội đồng quản trị		
Thu tiền tạm ứng đầu tư	-	8.948.020.140

Tại ngày kết thúc năm tài chính, không còn số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng	861.958.547	639.117.577
Nhận cổ tức bằng tiền	2.647.242.000	1.583.035.200
Cộng	<u>3.509.200.547</u>	<u>2.222.152.777</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ
 Công ty Cổ phần xây dựng và phát triển hạ tầng Nagakawa
 Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam

Mối quan hệ

Cổ đông chính
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ		
Phải thu tiền bán hàng	168.103.883.825	80.894.021.271
+ Giá trị chưa thuế	152.821.712.568	73.540.019.333
+ Thuế GTGT đầu ra	15.282.171.257	7.354.001.938
Phải thu tiền cho thuê kho	270.000.000	216.000.000
+ Giá trị chưa thuế	245.454.540	196.363.632
+ Thuế GTGT đầu ra	24.545.460	19.636.368
Mua hàng hóa	157.220.678.883	81.645.267.249
+ Giá trị chưa thuế	142.927.889.894	74.222.970.226
+ Thuế GTGT đầu ra	14.292.788.989	7.422.297.023
Trả tiền hàng	154.616.505.873	103.461.683.839
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	176.536.088.300	74.545.000.000
Thu lại tiền hợp tác đầu tư		9.050.000.000
Ứng trước tiền hàng		-
Thu lại tiền ứng trước		340.907.562
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam		
Phải thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	226.512.660	498.088.360
+ Giá trị chưa thuế	205.920.600	452.807.600
+ Thuế GTGT đầu ra	20.592.060	45.280.760
Phải thu tiền cho thuê kho	6.456.000.000	6.336.000.000
+ Giá trị chưa thuế	5.869.090.909	5.760.000.000
+ Thuế GTGT đầu ra	586.909.091	576.000.000
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.357.341.748	9.780.752.741
Thu tiền cho vay ngắn hạn	21.500.000.000	5.752.936.000
Chi tiền cho vay ngắn hạn	21.500.000.000	5.500.000.000
Lãi vay phải thu	493.995.555	407.151.000
Thu tiền lãi cho vay	493.995.555	-
Chuyển khoản cho vay thành đầu tư góp vốn liên kết		10.037.064.000
Chuyển khoản lãi cho vay phải thu thành đầu tư góp vốn liên kết		424.879.000
Góp vốn bằng tiền		1.538.057.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ phải thu của Công ty với với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ		
Phải thu tiền bán hàng, thuê kho	33.934.725.979	44.046.103.463
Ứng trước tiền hàng	14.073.953.398	22.236.157.873
	19.860.772.581	21.809.945.590
Cộng nợ phải thu	33.934.725.979	44.046.103.463

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ phải trả của Công ty với với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ</i>	<i>655.000.001</i>	-
Phải trả tiền mua hàng hóa dịch vụ	655.000.001	-
<i>Công ty Cổ phần may KLV</i>	<i>1.756.111.528</i>	<i>1.081.282.440</i>
Ứng trước tiền thuê kho	1.756.111.528	1.081.282.440
Cộng nợ phải trả	<u>2.411.111.529</u>	<u>1.081.282.440</u>

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Miền Bắc, khu vực Miền Trung và khu vực Miền Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm nay	Khu vực Miền Bắc		Khu vực Miền Trung		Khu vực Miền Nam		Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	432.015.829.248		37.606.046.361		33.061.408.784		-	502.683.284.393
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	301.067.248.310		1.277.835.011		2.090.633.701		(304.435.717.022)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	733.083.077.558		38.883.881.372		35.152.042.485		(304.435.717.022)	502.683.284.393
Chi phí bộ phận	645.877.318.277		32.657.124.634		31.208.985.759		(307.294.904.580)	402.448.524.090
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	87.205.759.281		6.226.756.738		3.943.056.726		2.859.187.558	100.234.760.303
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận								(76.308.422.700)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh								23.926.337.603
Doanh thu hoạt động tài chính								1.208.355.182
Chi phí tài chính								(11.263.670.827)
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết								1.048.696.418
Thu nhập khác								6.599.856.795
Chi phí khác								(1.141.436.925)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành								(4.407.594.918)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại								65.318.249
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp								16.035.861.577
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	3.273.704.416		5.314.945.917		2.859.846.114		-	11.448.496.447
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	5.354.375.738		122.838.698		99.676.778		-	5.576.891.214

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Khu vực Miền Bắc		Khu vực Miền Trung		Khu vực Miền Nam		Các khoản loại trừ		Cộng
Số cuối năm									
Tài sản trực tiếp của bộ phận	482.316.964.766		13.103.631.345		26.854.691.835		(161.471.842.001)		360.803.445.945
Tổng tài sản									<u>360.803.445.945</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	279.259.909.549		7.088.058.507		16.824.597.726		(131.427.838.780)		171.744.727.002
Tổng nợ phải trả									<u>171.744.727.002</u>
Số đầu năm									
Tài sản trực tiếp của bộ phận	458.252.645.338		11.209.533.829		25.726.637.405		(153.478.898.844)		341.709.917.728
Tổng tài sản									<u>341.709.917.728</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	268.422.373.467		6.106.240.711		15.705.572.134		(129.722.943.398)		160.511.242.914
Tổng nợ phải trả									<u>160.511.242.914</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của

Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	142.349.199.384	2.414.312.503	-	144.763.511.887
Phải trả người bán	8.774.372.445	-	-	8.774.372.445
Các khoản phải trả khác	9.903.860.456	-	-	9.903.860.456
Cộng	161.027.432.285	2.414.312.503	-	163.441.744.788
Số đầu năm				
Vay và nợ	118.745.130.462	624.764.733	-	119.369.895.195
Phải trả người bán	14.209.454.465	-	-	14.209.454.465
Các khoản phải trả khác	6.302.853.214	-	-	6.302.853.214
Cộng	139.257.438.141	624.764.733	-	139.882.202.874

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

C, Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.835.973.518	8.545.805.292	11.835.973.518	8.545.805.292
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	827.000.000	-	827.000.000
Phải thu khách hàng	99.463.302.967	81.082.021.475	99.463.302.967	81.082.021.475
Các khoản cho vay	2.800.000.000	3.980.000.000	2.800.000.000	3.980.000.000
Các khoản phải thu khác	1.538.361.441	3.161.767.691	1.538.361.441	3.161.767.691
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	18.774.404.512	17.725.708.094	18.774.404.512	17.725.708.094
Cộng	134.412.042.438	115.322.302.552	134.412.042.438	115.322.302.552
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	144.763.511.887	119.369.895.195	144.763.511.887	119.369.895.195
Phải trả người bán	8.774.372.445	14.209.454.465	8.774.372.445	14.209.454.465
Các khoản phải trả khác	9.903.860.456	6.302.853.214	9.903.860.456	6.302.853.214
Cộng	163.441.744.788	139.882.202.874	163.441.744.788	139.882.202.874

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập ngày 24 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

Nguyễn Lan Phương

Kế toán trưởng

Huy Thị Dung

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Huyền Thương

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thảng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Phải thu khách hàng ngắn hạn				
Công ty Cổ phần điện gia dụng Nagakawa	Đã thu hồi một phần	86.925.000		1.476.641.400
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Số 4	Khó có khả năng thu hồi	355.675.942		355.675.942
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần cơ điện lạnh Hoàn Kiếm	Đã thu hồi trong năm	-	Đã thu hồi trong năm	1.224.076.704
Công ty Cổ phần điện gia dụng Nagakawa	Khó có khả năng thu hồi	1.300.951.400		1.300.951.400
Công ty Cổ phần Kiến trúc Văn Hóa Việt	Khó có khả năng thu hồi	154.815.000	Khó có khả năng thu hồi	154.815.000
Công ty Cổ phần công nghệ nhiệt lạnh Bách Khoa	Khó có khả năng thu hồi	506.373.900	Khó có khả năng thu hồi	506.373.900
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Tự Động Hóa Vitech	Khó có khả năng thu hồi	56.700.000	Khó có khả năng thu hồi	56.700.000
Guangdong Sky bright Group Co.,Ltd	Khó có khả năng thu hồi	156.765.699	Khó có khả năng thu hồi	156.765.699
Zhejiang Bingfeng Compressor co.,Ltd	Khó có khả năng thu hồi	377.031.887	Khó có khả năng thu hồi	377.031.887
Kelon International Inc	Khó có khả năng thu hồi	96.669.539	Khó có khả năng thu hồi	96.669.539
Cộng		3.091.908.367		5.705.701.471
		3.091.908.367		5.705.701.471

